

BÀI 26 次(つぎ)はがんばろう
TSUGI WA GANBARÔ

アンナ	ロドリゴ、元気(げんき)がないね。	Rodrigo ơi, bạn không khỏe à?
Anna	RODORIGO, GENKI GA NAI NE.	
ロドリゴ	試験(しけん)ができなかったんです。	Mình đã không làm tốt bài kiểm tra.
Rodrigo	SHIKEN GA DEKINAKATTA N DESU.	
アンナ	私(わたし)も・・・。６０点(ろくじってん)でした。	Mình cũng vậy...
Anna	次(つぎ)はがんばろう。	Mình được 60 điểm.
	WATASHI MO....	Lần sau bọn mình cùng cố gắng nhé.
	ROKUJITTEN DESHITA.	
	TSUGI WA GANBARÔ.	



Mẫu ngữ pháp

① _ N DESU

◈ N DESU dùng để giải thích một tình huống hoặc một lý do.

◈ Trước N DESU dùng động từ ở dạng thông thường, ví dụ như thể từ điển và thể TA.

Ví dụ: SHIKEN GA DEKINAKATTA N DESU.（Tôi đã không làm tốt bài kiểm tra)

→ dạng thông thường của DEKIMASEN DESHITA (không làm tốt)

② DESHITA : Thể quá khứ của DESU

Ví dụ: TAIHEN DESU. (Tôi vất vả.) ⇒ TAIHEN DESHITA. (Tôi đã vất vả.)

③ GANBARÔ (hãy cùng cố gắng) ☞ *Động từ : Xem trang 54, 55*

◈ GANBARÔ là thể ý chí của GANBARIMASU (cố gắng).

◈ Thể này thể hiện ý chí của người nói, cũng có thể dùng để rủ người khác cùng làm việc gì hoặc là giục người đó làm việc gì.



Từ tượng thanh và tượng hình



Tiếng khóc oe oe của trẻ sơ sinh



Tiếng khóc nhè của trẻ nhỏ